

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 301 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 12 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO
Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật, Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 12/01/2018 theo dõi thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần I
**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THEO DÕI
TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 12/01/2018 về việc theo dõi thi hành pháp luật năm 2018, trong đó bao gồm các lĩnh vực như: Lĩnh vực trọng tâm liên ngành theo chỉ đạo của Chính phủ về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội và lĩnh vực trọng tâm của Bộ Tư pháp là theo dõi thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh đã giao cho Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh tiến hành một số hoạt động kiểm tra tại một số sở, ngành có liên quan trên địa bàn tỉnh để nắm bắt, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội.

Ủy ban nhân tỉnh đã ban hành Công văn số 1572/UBND-NC ngày 02/7/2018 về việc thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2018. Trong đó giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức điều tra, khảo sát đánh giá tính tương thích giữa



các quy định của pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội đối với cán bộ công chức ở một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở Quyết định số 297/QĐ-BTP ngày 22/02/2018 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 473/QĐ-BTP ngày 21/3/2018 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực lý lịch tư pháp năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1141/UBND-NC ngày 15/5/2018 về việc tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2018.

b) Việc chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018 - 2022” trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018 - 2022 và Quyết định số 1020/QĐ-BTP ngày 08/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành kế hoạch thực hiện “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018 - 2022”. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1549/KH-UBND ngày 29/6/2018 theo đó Kế hoạch xác định 06 nội dung cần tập trung triển khai thực hiện trong giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh bao gồm: Hoạt động triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Đề án; hoàn thiện thể chế về tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật; phối hợp với Bộ Tư pháp hoàn thiện và triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về thi hành pháp luật; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm các điều kiện cho công tác tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật, và UBND tỉnh đã triển khai kế hoạch này cho các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh để thực hiện.

2. Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật

a) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố thực hiện thường xuyên, liên tục. Nội dung tuyên truyền, phổ biến là các Luật mới được Quốc hội thông qua và các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trong năm 2018; tiếp tục tuyên truyền Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Thông tư số 14/2014/TT-BTP và các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối tượng phổ biến, tuyên truyền là cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân và các doanh nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập trên địa bàn tỉnh.

Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, phong phú, cụ thể:

- Tuyên truyền trực tiếp: Tổ chức được 24.713 cuộc tuyên truyền pháp luật cho 1.147.424 người tham dự.

- Lồng ghép phổ biến pháp luật với trợ giúp pháp lý lưu động: 991 cuộc với 3.944 lượt người tham dự.

- Lồng ghép trong các cuộc trợ giúp pháp lý lưu động thực hiện việc tuyên truyền pháp luật và phát hành 26.119 tờ gấp pháp luật các loại cho người dân, doanh nghiệp đến tham dự; tư vấn, giải đáp 669 ý kiến thắc mắc của người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật thông qua các hình thức sinh hoạt định kỳ tại các ấp, khu phố, tổ chức đoàn thể, tại các Câu lạc bộ ở cơ sở cho cán bộ và Nhân dân được 1.144 cuộc với 33.185 lượt người dự...v.v...

- Biên soạn và phát hành sổ tay nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật với số lượng là 150 quyển cấp phát cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân và Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.

- Các ngành đã tiến hành biên soạn, in ấn 1.166.240 tờ gấp Hỏi - đáp pháp luật, 25.520 quyển sổ tay Hỏi - đáp pháp luật, 24.000 Nội san ngành cấp phát đến tận cơ sở để tuyên truyền pháp luật rộng rãi ra nhân dân.

- Báo Tây Ninh và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tiếp tục tăng cường phối kết hợp với các ngành như Tư pháp, Công an, Văn hóa, Điện lực, Bảo hiểm xã hội, Hội Luật gia, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn xã hội; trật tự an toàn giao thông; phòng, chống bạo lực gia đình; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; chế độ, chính sách của ngành Bảo hiểm xã hội, nông thôn mới... Cụ thể:

- + Báo Tây Ninh đã đăng tải 22 văn bản pháp luật; chuyển cơ quan chức năng trả lời trên Báo Tây Ninh 100/146 đơn thư khiếu nại, tố cáo, thắc mắc, phản ánh của người dân về các lĩnh vực pháp luật; tư vấn 11 tình huống pháp luật; trả lời 10 nội dung hỏi về pháp luật; đăng tải nhiều bài viết giới thiệu, thông tin pháp luật đến bạn đọc ở các chuyên mục "Câu chuyện pháp luật", "Chính sách pháp luật", "Giới thiệu văn bản pháp luật mới".v.v...

- + Chuyên mục "Pháp luật với đời sống" được duy trì thực hiện mỗi tháng 01 kỳ với thời lượng 15 phút/01 chuyên mục phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình, tổng thời lượng phát sóng 540 phút và 02 kỳ/01 tháng với thời lượng 15 phút/01 chuyên mục phát trên sóng phát thanh, tổng thời lượng phát sóng 720 phút giới thiệu các văn bản pháp luật mới và tình hình chấp hành pháp luật tại địa phương. Chuyên mục "Trả lời thư bạn xem Đài" đã kịp thời trả lời, giải đáp 87

lượt khiếu nại, tố cáo của công dân về các lĩnh vực như thi hành án dân sự, cấp dưỡng nuôi con, thủ tục xin ly hôn, tranh chấp đất đai..., với thời lượng 15 phút/01 chuyên mục phát trên sóng phát thanh, tổng thời lượng phát sóng 360 phút. Chương trình “Tiếng nói cử tri” thực hiện 04 kỳ/tháng với thời lượng 15 phút/01 chuyên mục phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình, tổng thời lượng phát sóng 960 phút.

+ Công an tỉnh xây dựng 01 chuyên trang Vì an ninh Tổ quốc trên Báo Tây Ninh, 01 chuyên mục An ninh trật tự trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình, đã đưa 369 lượt, tin, bài; xây dựng 10 phóng sự, 17 điểm tin tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hoạt động phòng, chống tội phạm và thủ đoạn hoạt động của tội phạm để quần chúng nhân dân cảnh giác.

+ Các Đài Truyền thanh huyện, thành phố và Trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn tăng cường thông tin các văn bản pháp luật mới được ban hành và tuyên truyền các tài liệu Hỏi - đáp pháp luật cho cán bộ và nhân dân ở địa phương được 7.400 giờ phát sóng.

- Bên cạnh đó, tỉnh còn thực hiện tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật. Hiện nay toàn tỉnh hiện có trên 1.050 tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn và ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học. Trong năm 2018, các Tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn đã phục vụ cho 400.000 lượt cán bộ, chiến sĩ, doanh nghiệp và nhân dân đến nghiên cứu, tham khảo. Ngoài ra, để phục vụ tốt hơn nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhân dân, một số cơ quan, đơn vị còn thực hiện việc luân chuyển sách pháp luật giữa các Tủ sách, như: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch luân chuyển sách pháp luật cho các tủ sách pháp luật cơ sở; huyện Châu Thành thực hiện việc luân chuyển sách pháp luật của Tủ sách các xã, thị trấn với Tủ sách của Nhà văn hóa xã; Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tân Biên luân chuyển sách pháp luật cho Tủ sách pháp luật xã Hòa Hiệp.

- Ngoài ra, căn cứ vào nhiệm vụ của từng ngành mà các sở, ngành có hoạt động tuyên truyền riêng như:

+ Ban Quản lý Khu kinh tế tiến hành triển khai văn bản quy phạm pháp luật cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế với những nội dung trọng tâm như: Quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; Quy định “Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước....

+ Sở Giao thông vận tải phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh tuyên truyền chuyên đề nâng cao đạo đức lái xe tại 03 cơ sở đào tạo dạy nghề lái xe với số lượng 160 học viên; triển khai tuyên truyền kết hợp với công tác tuần tra, kiểm tra, giải tỏa bảo đảm trật tự ATGT với hình thức tuyên truyền bằng loa phóng

thanh cho đối tượng là các chủ phương tiện đường thủy nội địa; chủ bến khách và người dân, công nhân ở các khu công nghiệp, khu chợ tập trung đông người.

+ Sở Xây dựng phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền về Đề cương tuyên truyền công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị. Ngoài ra, còn tổ chức hội nghị tiếp xúc với doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh để phổ biến văn bản hướng dẫn, khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, biện pháp thi công mới nhằm đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng công trình, tiết kiệm chi phí xây dựng và thảo luận các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực xây dựng.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành tập huấn cho cán bộ, công chức và các doanh nghiệp đang hoạt động lĩnh vực nông nghiệp với những nội dung: Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ...

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, UBND huyện, thành phố tổ chức thực hiện “Đề án tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp”, phát trên sóng Đài Phát thanh Truyền hình Tây Ninh được 12 chuyên đề về an toàn lao động, với thời lượng chuyên đề là 10 phút/01 chuyên đề, phát hành 220 bộ tài liệu tuyên truyền về pháp luật lao động, việc làm. Tổ chức tuyên truyền các quan điểm chỉ đạo về công tác phòng, chống ma túy; chính sách pháp luật về phòng, chống ma túy tại 06 huyện, thành phố và Cơ sở Cai nghiện ma túy với số lượng là 1.800 người tham dự. Tổ chức treo 105 băng ron tuyên truyền về bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhân Tháng hành động Vì trẻ em năm 2018 với chủ đề: “Vì cuộc sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em trong thế giới công nghệ số”. Phối hợp với Đài Phát thanh và truyền hình Tây Ninh và Báo Tây Ninh thực hiện 06 chuyên mục và 01 phụ trương “Vì tuổi thơ” năm 2018.

+ Bảo hiểm Xã hội phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin xã, phường, thị trấn tổ chức phát sóng định kỳ trên hệ thống Đài truyền thanh các nội dung liên quan đến chính sách pháp luật BHXH, BHYT mỗi tuần phát sóng 03 ngày, mỗi ngày 02 buổi, mỗi buổi 07 phút; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Tây Ninh thực hiện 18 chuyên mục; 22 tin, bài; 18 chuyên trang; 4 phụ trương; tuyên truyền trực quan, in và phát hành các ấn phẩm gồm 801 băng ron, khẩu hiệu, 752 áp phích, phát hành 154.100 tờ rơi, tờ gấp; 1.000 cảm nang BHYT HSSV; 10.000 bìa Folder truyền thông; thay mới 90 bảng hiệu Đại lý thu BHXH....

b) Công tác tập huấn về theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Tập huấn tại tỉnh:

+ Hàng năm, để nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND tỉnh đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu về theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho cán bộ, công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Thông qua các hoạt động nêu trên, đội ngũ công chức được giao thực hiện nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố đã từng bước trang bị kỹ năng, nghiệp vụ trong lĩnh vực này, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả tham mưu, tổ chức triển khai nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật. Trong năm 2018 Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức 01 lớp triển khai, tập huấn hướng dẫn về nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, lồng ghép hướng dẫn nội dung về theo dõi đối với lĩnh vực trọng tâm liên ngành và lĩnh vực trọng tâm của Bộ Tư pháp (nội dung theo dõi thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp và Luật ban hành văn bản QPPL 2015) cho hơn 50 cán bộ là lãnh đạo, cán bộ làm công tác pháp chế và các cán bộ làm đầu mối công tác theo dõi thi hành pháp luật tại các sở, ban, ngành tỉnh và UBND, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố. Thông qua hội nghị phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá về chất lượng của việc tổ chức hội nghị xoay quanh các nội dung như: Việc phân bổ về nội dung, thời gian đối với các chuyên đề tập huấn, triển khai. Kết quả đánh giá cho thấy đa số các ý kiến đều đánh giá phù hợp và thống nhất với các nội dung cũng như thời gian tổ chức hội nghị.

+ Các sở, ngành cũng đã tổ chức 02 hội thảo và 04 lớp tập huấn các văn bản pháp luật của ngành cho hơn 160 doanh nghiệp và 600 cán bộ làm công tác môi trường tại các doanh nghiệp, cán bộ các Sở, ngành có liên quan, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ các huyện, thành, phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Tập huấn ngoài tỉnh:

+ Đối với tập huấn nghiệp vụ do Bộ Tư pháp tổ chức: Cử 01 cán bộ công chức Sở Tư pháp dự lớp tập huấn chuyên sâu pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội do Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hội nghị tập huấn của Tổng cục Quản lý đất đai (Công tác quy hoạch sử dụng đất, đánh giá đất đai; giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình sản phẩm quản lý đất đai; trình tự, nội dung, phương pháp điều tra đánh giá, hệ thống tiêu chí phân hạng đất trồng lúa và xác định, công khai ranh giới, diện tích đất trồng lúa; tổng kết công tác lập, thẩm định, giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai trong công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất); khóa tập huấn nâng cao năng lực cán bộ địa phương trợ giúp, phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Cử các công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường và sở, ngành có liên quan tham dự.

c) Về hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Trong năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về việc xây dựng kế hoạch và xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật, xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Nội dung các văn bản hướng dẫn đã phần nào tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật tại địa phương, cụ thể:

- Công văn số 456/UBND-NC ngày 28/02/2018 về việc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Công văn số 1572/UBND-NC ngày 02/7/2018 về việc thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2018.

- Công văn số 1141/UBND-NC ngày 15/5/2018 về việc tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2018.

Ngoài ra, trong năm 2018, UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật (Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 18/7/2018) và đã tổ chức kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội. Qua kiểm tra cho thấy, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan dẫn đến hiệu quả công tác chưa thật sự đi vào chiều sâu; mang tính rập khuôn; công tác kiểm tra tình hình thi hành tại một vài đơn vị chưa kịp thời, chưa tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

(Kèm theo mẫu 01)

3. Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Tổ chức bộ máy, biên chế

- Đối với các sở, ban, ngành tỉnh:

+ *Tại Sở Tư pháp:* UBND tỉnh đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp trong đó có thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật (Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 27/7/2015), nhưng hiện nay biên chế của Phòng này chỉ có 02 công chức (01 Trưởng phòng và 01 chuyên viên) nên trong thực hiện nhiệm vụ còn nhiều khó khăn.

+ *Tại các sở, ngành tỉnh:* Theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế thì tổ chức pháp chế ở cơ

quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện công tác kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Tuy nhiên các thông tư liên tịch của Bộ Nội vụ và các Bộ ngành khác quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lại không quy định sở, ngành tỉnh được thành lập phòng pháp chế, nên công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại các sở ngành chủ yếu do công chức văn phòng hoặc công chức thanh tra kiêm nhiệm nên hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật tại các sở ngành còn nhiều khó khăn.

- *Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:* Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Phòng Tư pháp tham mưu thực hiện. Tuy nhiên, số lượng công việc được giao hiện nay cho các phòng Tư pháp ngày càng nhiều mà biên chế lại không được giao tăng thêm, không có biên chế chuyên trách cho công tác này và thường xuyên thay đổi hoặc chuyển đổi vị trí công tác nên công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật không có thời gian đầu tư nghiên cứu chuyên sâu để nâng cao hiệu quả công tác.

b) Về kinh phí

Kinh phí cho hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật bước đầu được địa phương bảo đảm một phần nhưng do chưa có văn bản quy định cụ thể về kinh phí riêng cho lĩnh vực này do đó việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán gặp nhiều khó khăn. Hiện nay theo quy định của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật chỉ mới quy định nội dung chi và mức chi cho việc xây dựng báo cáo theo dõi thi hành pháp luật (điểm d Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC) và việc quy định không rõ ràng đối tượng áp dụng và cũng không nêu rõ các báo cáo này do cơ quan nào thực hiện. Do đó thời gian qua địa phương còn gặp khó khăn trong vấn đề phân bổ kinh phí cho công tác này.

Ngoài ra về nội dung chi và mức chi cho báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật tại điểm d Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC quy định chưa rõ ràng về mức chi cho báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất áp dụng cho cấp nào (không quy định rõ đối tượng áp dụng và cũng không nêu rõ các báo cáo này do cơ quan nào thực hiện).

4. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Trong năm 2018, việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc. Trên cơ sở kế hoạch do UBND tỉnh ban hành, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch riêng và tổ chức triển khai việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với ngành, lĩnh vực, địa phương mình quản

lý. Qua tổng hợp cho thấy trên địa bàn tỉnh đã tổ chức được 31 cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật. Trong đó cấp tỉnh tổ chức 18 cuộc kiểm tra; cấp huyện đã tổ chức 13 cuộc kiểm tra.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Về điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Tổ chức, bộ máy, biên chế làm công tác theo dõi thi hành pháp luật nói riêng và công tác pháp chế nói chung được các ngành, các cấp quan tâm kiện toàn. Đội ngũ công chức được giao thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật nhìn chung vẫn còn thiếu về số lượng, trình độ chuyên môn chưa đồng đều; phần lớn là phân công cán bộ kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ này.

- Về tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Việc triển khai thực hiện hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn lúng túng và chưa thực hiện đồng bộ. Việc tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật chưa được các đơn vị, địa phương có liên quan quan tâm thực hiện thường xuyên.

- Việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chưa được Bộ Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu, nhất là đối với lĩnh vực trọng tâm liên ngành.

- Quá trình thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật còn thiếu sự tham gia, phối hợp chặt chẽ, toàn diện giữa các cơ quan trong hệ thống cơ quan hành chính với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng và các cơ quan, đơn vị có liên quan, chủ yếu cho đây là nhiệm vụ của ngành Tư pháp. Đặc biệt trong hoạt động phối hợp kiểm tra theo dõi theo dõi thi hành pháp luật liên ngành.

- Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP chỉ quy định về việc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi khi phát hiện có sai sót nhưng lại không quy định biện pháp xử lý cho việc này dẫn đến tình trạng cơ quan, người có thẩm quyền khi nhận được kiến nghị thì không xử lý hoặc xử lý không đúng theo quy định pháp luật. Trong trường hợp này cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật không thể xử lý hoặc kiến nghị lên cấp trên do không có biện pháp chế tài quy định về vấn đề này.

- Hoạt động theo dõi thi hành pháp luật như kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật chỉ mới bước đầu thực hiện ở cấp tỉnh còn đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chỉ mới tiến hành kiểm tra theo kế hoạch còn các hoạt động khác như điều tra, khảo sát vẫn chưa thực hiện được. Đặc biệt, việc huy động sự tham gia của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động theo dõi thi hành pháp luật còn hạn chế.

- Trong năm phải tổ chức theo dõi nhiều lĩnh vực (chỉ với những lĩnh vực trong kế hoạch) vừa lĩnh vực trọng tâm liên ngành theo chỉ đạo của Chính phủ, vừa lĩnh vực trọng tâm của Bộ Tư pháp nên việc tổ chức đầy đủ các hoạt động theo dõi chưa sâu.

- Phạm vi theo dõi lĩnh vực trọng tâm liên ngành quá rộng, có những nội dung không thuộc trách nhiệm quản lý hoặc địa phương không có liên quan nhiều nên còn lúng túng (nhất là đối với cấp huyện, cấp xã).

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Nghị định số 59/2012/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất trực tiếp điều chỉnh công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập. Ngoài ra, chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm pháp lý của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Cán bộ làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại các sở, ban, ngành đa số là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi hoặc chuyển đổi vị trí công tác. Mặc dù các sở, ban, ngành đã có cử cán bộ đầu mối làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhưng trong quá trình đảm nhận thực hiện nhiệm vụ một số cán bộ đầu mối phải chuyển đổi công tác nên trong quá trình triển khai thực hiện, những cán bộ đầu mối mới của các sở, ban, ngành chưa tham mưu được cho lãnh đạo phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp thực hiện tốt nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật.

- Nguồn thu của tỉnh còn thấp, nên việc bố trí kinh phí cho công tác theo dõi thi hành pháp luật còn gặp một số khó khăn, hạn chế nhất định.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chưa phản ánh đúng mức những khó khăn, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật, chưa có những đề xuất, giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả thi hành và hoàn thiện thể chế pháp luật.

- Việc tập huấn chuyên sâu công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chưa được Bộ Tư pháp thực hiện thường xuyên, do đó chưa kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong quá trình thực hiện.

- Công chức thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh hiện nay đa số là kiêm nhiệm, chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu. Mặt khác mỗi năm theo dõi mỗi lĩnh vực trọng tâm liên ngành khác nhau nên việc nắm bắt các quy định pháp luật của cán bộ làm công tác theo dõi chưa sâu, còn lúng túng.

Phần II

TÌNH HÌNH CHUNG VỀ THI HÀNH PHÁP LUẬT

I. Tình hình tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Về tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Nhiệm vụ triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo sâu sắc. Nhìn chung trong năm 2018, văn bản quy phạm pháp luật cơ bản được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai có trọng tâm, trọng điểm cho các cơ quan đơn vị và nhân dân trong tỉnh, góp phần đưa văn bản quy phạm pháp luật vào đời sống xã hội.

2. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết

2.1.1. Về phía Trung ương

Nhìn chung, phần lớn các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương ban hành kịp thời, đầy đủ, phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một số văn bản quy định chi tiết thi hành còn chưa bao quát, kịp thời, đầy đủ, cụ thể như sau:

- Chưa ban hành Thông tư tổng hợp nhằm hệ thống hóa danh mục về nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Chưa ban hành Nghị định hướng dẫn quy định về làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm đối với lao động chưa thành niên quy định tại Khoản 3 Điều 163 Bộ Luật lao động năm 2012.

2.1.2. Về phía địa phương

Trong năm 2018, UBND tỉnh Tây Ninh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh tiến hành rà soát những văn bản giao quy định chi tiết để lập danh mục và xây dựng kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong năm.

- *Kết quả, tiến độ ban hành văn bản:* Trong năm 2018 (từ ngày 01/10/2017 đến 30/9/2018), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 56 văn bản, trong đó có 10 văn bản hủy bỏ, bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực. Đa phần các văn bản được ban hành đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền.

(Kèm theo phụ lục 02)

2.1.3. Đánh giá chung về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết được cấp ủy Đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương quan tâm từ khâu lập chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, soạn thảo, thẩm định, kiểm tra văn bản. Do đó, khi ban hành phần lớn các văn bản hướng dẫn chi tiết đều đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ. Đồng thời, các văn bản trên được các ngành, các cấp triển khai, thực hiện thống nhất, đồng bộ, được tổ chức, cá nhân đồng thuận thực hiện và mang lại hiệu quả cao.

2.2. Tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết

Các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành quy định chi tiết hướng dẫn thi hành đã từng bước tạo hành lang pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho thấy phần lớn các văn bản quy định chi tiết đều bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật; đa số văn bản quy định chi tiết bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một số văn bản quy định chi tiết của Bộ, ngành Trung ương chưa thống nhất, đồng bộ, thiếu tính khả thi.

- Các văn bản không thống nhất, đồng bộ

+ *Bất cập trong thực hiện góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Doanh nghiệp 2014 thì khi các bên thực hiện được quyền góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhưng pháp luật không quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ các bên sau khi góp vốn. Do đó, việc quản lý, sử dụng, định đoạt giá trị QSDĐ đã được góp vốn trở nên phức tạp, khó xử lý, đặc biệt là khi phát sinh tranh chấp với pháp nhân thứ ba. Vấn đề này, nhiều tỉnh, thành trên cả nước đã có kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong Luật đất đai. Tuy nhiên, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc góp quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư nên mỗi địa phương thực hiện việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất cũng khác nhau, đa số các tỉnh, thành thực hiện theo hướng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Doanh nghiệp (chưa có tỉnh nào ban hành quy định về góp QSDĐ thực hiện dự án đầu tư).

+ *Về chế tài trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật*: Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong trường hợp đối tượng được kiểm tra không thực hiện hoặc thực hiện không đúng với yêu cầu của cơ quan kiểm tra thì không có chế tài xử lý. Điều này đã làm giảm hiệu quả công tác kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật.

+ *Về cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật*: Điều 14 Thông tư số 14/2014/TT-BTP quy định về việc huy động cộng tác viên trong theo dõi thi hành pháp luật, nhưng lại không quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn của cộng tác viên, hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên, nguồn kinh phí, chế độ thù lao chi trả cho cộng tác viên... Do đó, trên thực tế thì địa phương chưa triển khai thực hiện được quy định này.

- Các văn bản không khả thi

+ Bộ luật hình sự

• Điểm a khoản 1 Điều 175 tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, có quy định: "...dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc

đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả". Với quy định này, rất khó để chứng minh yếu tố "có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả" và rất khó xử lý được người phạm tội.

- Tại điểm e khoản 1 Điều 178 tội hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, có quy định: "Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội". Tuy nhiên chưa có quy định hoặc có văn bản hướng dẫn như thế nào là "Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội" nên rất khó khăn trong việc áp dụng trong vụ án hình sự cụ thể.

- Tại khoản 4 Điều 260 vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ và khoản 4 các Điều 261, 267, 268, 272, 273, 278 (lĩnh vực giao thông) có quy định tình tiết "có khả năng thực tế" dẫn đến hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản của người khác nếu không được ngăn chặn kịp thời cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng như thế nào là "có khả năng thực tế" thì chưa được hướng dẫn cụ thể nên rất khó áp dụng để xử lý.

- Tại khoản 1 Điều 193 tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm và khoản 1 Điều 194 tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh không có quy định về định lượng hoặc giá trị thiệt hại để xử lý tội phạm và không có quy định đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Bộ Luật TTHS 2015: Khoản 4 Điều 123 quy định: Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không quá thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định của Bộ luật này. Thông tư số 61/2017/TT-BCA thì không có mẫu và Bộ luật TTHS cũng không đề cập đến việc gia hạn thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú.

+ Về Luật thi hành tạm giữ, tạm giam:

- Khi chuyển vụ án theo thẩm quyền điều tra có bị can đang bị tạm giam thì việc lập thủ tục để chuyển bị can của Cơ quan điều tra và Trại tạm giam, Nhà tạm giữ như thế nào và các mẫu nào được sử dụng: Cơ quan điều tra ra "Lệnh trích xuất và áp giải" (mẫu số 174 ban hành theo Thông tư 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 quy định biểu mẫu giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự) hay Thủ trưởng Cơ quan quản lý giam giữ ra "Quyết định điều chuyển bị can" (theo mẫu TG20 ban hành theo Thông tư 20/2016/TT-BCA ngày 08/6/2016 quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam trong CAND) hay phải sử dụng cả hai mẫu trên?

- Tại điểm e khoản 4 Điều 22 quy định về thăm gặp: "Người bị tạm giữ, tạm giam không đồng ý gặp; trường hợp này người thăm gặp được trực tiếp gặp người bị tạm giữ, tạm giam để xác nhận việc không đồng ý thăm gặp" là vô lý, gây ảnh hưởng đến tâm lý của người bị tạm giữ, tạm giam vì người đó đã không đồng ý gặp lại bị ép buộc phải ra gặp trực tiếp để xác nhận. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể cho trường hợp này.

+ Về điều kiện của tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường: Khoản 3, Điều 13, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy

định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, quy định điều kiện của tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể để địa phương thực hiện.

+ Về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng:

- Theo quy định tại Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 quy định kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng do ngân sách cấp xã đảm bảo, tuy nhiên đa số các xã, phường, thị trấn không cân đối được nguồn kinh phí bố trí cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

- Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 quy định công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng do Tổ công tác cai nghiện ma túy thực hiện mà chủ yếu là cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã thực hiện nhưng cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hiện tại rất nhiều việc, đồng thời cũng không đủ khả năng, kiến thức để thực hiện.

- Điều 7 Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng quy định điều kiện đối với cơ sở cai nghiện ma túy tại cộng đồng phải được xây dựng thành khu liên hoàn, cách ly với môi trường bên ngoài để tránh thâm lậu ma túy và tối thiểu phải có 03 phòng chức năng, phải có tối thiểu 04 người phụ trách cơ sở điều trị cắt cơn. Trường hợp không thành lập cơ sở điều trị cắt cơn riêng biệt thì kết hợp với Cơ sở cai nghiện ma túy và các cơ sở khác để tổ chức cắt cơn nhưng cũng phải đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, nhân sự. Quy định này không thể thực hiện được do không có kinh phí, không có nhân sự để thực hiện.

- Biểu mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng cũng không đúng theo quy định về thể thức văn bản, dẫn đến sự phối hợp giữa các cơ quan không thống nhất. Hiệu lực của các quyết định cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng có hiệu lực kể từ ngày ký chứ không phải có hiệu lực 07 ngày kể từ ngày ký.

+ Công tác quản lý sau cai nghiện ma túy theo Nghị định số 94/2009/NĐ-CP, ngày 26/10/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy hiện nay không thực hiện được:

- Điều 33 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2008 quy định: Người nghiện ma

túy sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện phải chịu sự quản lý sau cai nghiện từ một năm đến hai năm.

- Điều 114 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc Cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra Quyết định, cơ quan quản lý cơ sở cai nghiện bắt buộc, UBND cấp xã nơi người đó cư trú.

- Điều 28 Luật phòng, chống ma túy năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2008 quy định: Việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Điều 105 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trong khi đó theo quy định Điều 5 và Điều 17 của Nghị định số 94/2009/NĐ-CP, ngày 26/10/2009 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy thì thẩm quyền quyết định biện pháp áp dụng quản lý sau cai nghiện thuộc Chủ tịch UBND huyện, thành phố. Do đó, đa số các huyện, thành phố không thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện.

2.3. Đánh giá chung về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

Việc rà soát, lập danh mục văn bản quy định chi tiết, xây dựng dự thảo văn bản quy định chi tiết trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền đã dần đi vào quy cũ, nề nếp. Chất lượng văn bản ngày càng được nâng lên, cơ bản đảm bảo các yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản. Tuy nhiên, công tác ban hành văn bản quy định chi tiết của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: Việc rà soát, lập danh mục văn bản quy định chi tiết chưa đầy đủ, trong năm vẫn phải ban hành nhiều văn bản ngoài chương trình. Trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản vẫn còn sai sót về căn cứ pháp lý, thể thức và kỹ thuật trình bày.

II. Tình hình bảo đảm điều kiện cho thi hành pháp luật

Nhìn chung, công tác tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ công chức của địa phương cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. Hàng năm, các sở, ban ngành tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành mình và chương trình kế hoạch của năm để tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ công chức. Việc tổ chức tập huấn đã phần nào giúp cán bộ công chức hạn chế những sai sót trong quá trình công tác, nâng cao khả năng giải quyết công việc.

Mặc dù điều kiện về nhân lực còn hạn chế nhưng với tinh thần trách nhiệm cao nên đội ngũ công chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp

luật hàng năm nói chung và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề nói riêng cơ bản hoàn thành nhiệm vụ.

III. Tình hình tuân thủ pháp luật

1. Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền

Việc thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định pháp luật. Các văn bản pháp luật sau khi được ban hành và có hiệu lực thi hành được triển khai kịp thời đến cán bộ, công chức làm nhiệm vụ thông qua việc tổ chức tập huấn, hội nghị phổ biến pháp luật... Công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo nhiều cách thức khác nhau đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

1.1. Tình hình thi hành pháp luật qua công tác thanh tra

Công tác thanh tra được Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo. Trong năm 2018, công tác thanh tra đạt được một số kết quả sau:

- Tổ chức thanh tra chấp hành pháp luật lao động trong lĩnh vực xây dựng đối với 10 công trình công cộng đang thi công trên địa bàn tỉnh. Thanh tra đột xuất về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi tại chi nhánh công ty TNHH VMC Hoàng Gia thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên và công ty TNHH Vina Gio, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành. Thanh tra đột xuất việc chấp hành pháp luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng tại công trình xây dựng xưởng dệt 2 công ty TNHH Lu Thai (Việt Nam). Qua kết quả thanh tra có 28 kiến nghị đến lãnh đạo doanh nghiệp được thanh tra nhằm chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót phát hiện qua thanh tra.
- Thanh tra việc thực hiện chính sách đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học và việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ưu đãi người có công tại huyện Châu Thành, Tân Biên. Qua kết quả thanh tra có 14 kiến nghị đến lãnh đạo cơ quan được thanh tra nhằm chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót phát hiện qua thanh tra.
- Kiểm tra chi trả trợ cấp ưu đãi người có công và tiền quà tết cho đối tượng tại xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu; xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu; thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung được ủy quyền quản lý nhà nước về lao động tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh. Phần lớn, các đơn vị được kiểm tra đều thực hiện tốt các quy định của pháp luật.
- Kiểm tra việc thực hiện kết luận của Đoàn kiểm tra thực thi Bộ luật lao động và kết luận thanh tra pháp luật lao động 20 doanh nghiệp năm 2017. Tuy nhiên, vẫn còn 07/20 doanh nghiệp chưa thực hiện tốt kết luận thanh tra pháp luật lao động năm 2017.
- Kiểm tra chuyên đề về an toàn, vệ sinh lao động năm 2018 đối với 19 đơn vị. Qua kết quả thanh tra có 205 kiến nghị đến lãnh đạo doanh nghiệp được thanh tra nhằm chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót phát hiện qua thanh tra.

- Tổ chức kiểm tra 06 cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Qua kiểm tra, vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện đúng, đủ hồ sơ sổ sách theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có kiến nghị để các đơn vị chấn chỉnh và hoàn thiện hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định.

- Lĩnh vực Tài nguyên - môi trường: Đã tổ chức kiểm tra, giám sát môi trường được 09 cuộc, xử lý vi phạm 01 cơ sở.

- Lĩnh vực y tế: Thanh tra kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm tra 556/604 cơ sở đạt yêu cầu.

1.2. Tình hình thi hành pháp luật qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo

Chỉ đạo ngành Thanh tra thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả trong công tác tiếp công dân, có bố trí địa điểm tiếp công dân riêng, ban hành và niêm yết nội quy tiếp công dân, mở sổ tiếp công dân, niêm yết các quy trình, thủ tục về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện việc bồi dưỡng cho cán bộ thực hiện công tác tiếp công dân... Tiếp nhận 103 đơn (92 đơn đủ điều kiện thụ lý, 08 đơn không đủ điều kiện thụ lý, 03 đơn đang chờ xác minh).

Kết quả giải quyết: Chuyển 20 đơn khiếu nại về lao động đến Giám đốc Công ty giải quyết theo thẩm quyền; thụ lý 01 đơn tố cáo về chế độ trợ cấp tuất vợ liệt sĩ tái giá; trả lời 02 đơn khiếu nại về chính sách người có công, hưởng một lần theo quyết định 41/QĐ-TBLS-NCC; hướng dẫn trả lời 01 đơn khiếu nại về lao động; người lao động xin rút lại đơn 01 đơn.

Nhìn chung, các kiến nghị, khiếu nại của người dân và doanh nghiệp được xử lý kịp thời, đúng quy định không để xảy ra tình trạng khiếu nại kéo dài.

1.3. Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác bồi thường của Nhà nước

Trong quá trình thi hành công vụ, cán bộ, công chức thực hiện đúng quy định pháp luật. Thời gian qua, không có vụ việc vi phạm nào xảy ra.

2. Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

Tình hình vi phạm pháp luật hành chính: Trong năm 2018, qua kết quả tổng hợp báo cáo cho thấy tổng số vụ vi phạm hành chính là 1.614 trường hợp, với số tiền phạt là: 7.899.090.000 đồng.

Các hành vi vi phạm hành chính thường diễn ra trong một số lĩnh vực sau: Giao thông, an ninh trật tự, thương mại, tài nguyên môi trường, xây dựng và đất đai.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên, một phần là do các yếu tố khách quan như tình hình kinh tế khó khăn do sản xuất suy giảm, thất nghiệp gia tăng, sự xuống cấp về đạo đức xã hội, lối sống thực dụng... nhưng chủ yếu vẫn là do công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa chặt chẽ, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, môi trường, văn hóa, an ninh trật tự, khoáng sản.

3. Đánh giá chung về tình hình tuân thủ pháp luật

Qua công tác quản lý, kiểm tra, nắm bắt thực tế cho thấy tình hình tuân thủ pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh ngày càng được cải thiện. Tình hình vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh tương đối giảm, nhờ triển khai nhiều biện pháp kiểm soát tải trọng bằng trạm cân cố định, trạm cân lưu động và cân xách tay nên tình trạng xe vi phạm về tải trọng đã có những chuyển biến tích cực, bước đầu tạo niềm tin trong nhân dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên một số tuyến đường ở các địa bàn huyện còn tình trạng xe chở quá tải, các lái xe vẫn tìm cách trốn tránh sự kiểm tra hoặc cố tình không hợp tác khi kiểm tra,...Ngoài ra, vẫn còn một bộ phận nhỏ người dân chưa chấp hành nghiêm túc nên tình hình vi phạm vẫn diễn ra.

Việc vi phạm pháp luật nêu trên do ý thức chấp hành pháp luật của một số người dân còn chưa cao, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông, môi trường, an ninh trật tự.

Phần III

TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT LĨNH VỰC TRỌNG TÂM, LIÊN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC TRỌNG TÂM CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trong năm 2018 UBND tỉnh Tây Ninh đã tổ chức theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với các lĩnh vực: Về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật lý lịch tư pháp.

Trên cơ sở chỉ đạo kịp thời, toàn diện của lãnh đạo UBND tỉnh, các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên các lĩnh vực được các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. Đối với lĩnh vực về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện một số hoạt động:

Tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật lĩnh vực về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội năm 2018 lồng ghép trong hoạt động tập huấn nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật và công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.

Tiến hành rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội.

Tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động

thương binh và xã hội tại các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội.

Tổ chức điều tra, khảo sát đánh giá tính tương thích giữa các quy định của pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội đối với cán bộ công chức ở một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Qua điều tra, khảo sát cho thấy, các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội đều được ban hành đồng bộ, tương đối nhất quán, kịp thời và khả thi (tỷ lệ 90%). Việc hướng dẫn, tạo điều kiện khi tổ chức, cá nhân yêu cầu về thủ tục hành chính có liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh, các loại giấy tờ, tài liệu trong thủ tục hành chính có liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết các hồ sơ, thủ tục liên quan đến việc đăng ký kinh doanh được các cơ quan, đơn vị thực hiện *(Đối với kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực này Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 298/BC-UBND ngày 12/10/2018)*.

Việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, cũng như việc tư vấn về mặt pháp lý cho doanh nghiệp về các nội dung có liên quan đến tổ chức quy định, quy chế hoạt động của doanh nghiệp.

Viết các tin, bài đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh, Trang thông tin “Theo dõi tình hình thi hành pháp luật tỉnh Tây Ninh”, Trang thông tin các sở, ngành, tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Tây Ninh.

Tăng cường theo dõi, xử lý thông tin các vụ việc, phản ánh chính sách một cách kịp thời, hiệu quả.

(Đối với kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực này Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 283/BC-UBND ngày 27/9/2018).

II. Đối với lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và lĩnh vực lý lịch tư pháp

UBND tỉnh cũng đã có văn bản chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện một số hoạt động, cụ thể:

1. Đối với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Rà soát tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết.

- Rà soát các quy định không thống nhất, đồng bộ, khả thi với tình hình thực tế trong quá trình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Rà soát những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, như việc lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; việc soạn thảo, thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật; công tác lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật.

- Đề xuất những nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung cho những khó khăn, vướng mắc đã nêu.

(Đối với kết quả theo dõi của lĩnh vực này Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 29/8/2018).

2. Đối với lĩnh vực lý lịch tư pháp

- Tiến hành rà soát tính đầy đủ, kịp thời trong việc tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết và việc triển khai thi hành luật từ khi Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực đến nay. Những nội dung cần Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành mới.

- Các quy định không thống nhất, đồng bộ, khả thi với tình hình thực tế trong quá trình thi hành pháp luật lĩnh vực lý lịch tư pháp từ khi Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực đến nay. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính không còn phù hợp, cản trở, gây phiền hà, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật lĩnh vực lý lịch tư pháp.

- Kết quả triển khai thực hiện Quy chế phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị.

- Đề xuất những nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung cho những khó khăn, vướng mắc qua công tác theo dõi.

Qua các nội dung đã đề ra, các đơn vị có liên quan đã nghiêm túc triển khai thực hiện. Kết quả theo dõi cụ thể như sau:

2.1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Lý lịch tư pháp

Các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật lý lịch tư pháp đã được ban hành tương đối đồng bộ: 01 Nghị định, 04 Thông tư, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng định hướng sự phát triển của lý lịch tư pháp trong tương lai. Tuy nhiên, các Thông tư hướng dẫn thi hành, nhất là Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ban hành còn chậm, dẫn đến việc lúng túng cho các địa phương trong thời gian đầu triển khai Luật.

Ngoài ra, trong văn bản Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định địa phương phải ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các nội dung liên quan đến lĩnh vực lý lịch tư pháp nên trong thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào liên quan đến lĩnh vực này.

2.2. Tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết

Sau hơn 08 năm triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành, bên cạnh những kết quả đạt được thì hệ thống pháp luật lý lịch tư pháp cũng đã bộc lộ những điểm chưa thống nhất, đồng bộ. Hơn nữa, trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng Chính phủ điện tử và nhu cầu của xã hội, một số quy định của Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 đã trở nên bất cập, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, đòi hỏi phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Hệ thống pháp luật về lý lịch tư pháp chưa có sự thống nhất, đồng bộ:

- + Quy định về Tòa án gửi bản án hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm giữa Luật Lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP chưa thống nhất.

- + Điều 19 Luật Lý lịch tư pháp quy định việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của Bộ Quốc phòng là do cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. Trong khi đó Điều 18 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP lại quy định việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của những người thuộc quân đội, ngoài cơ quan thi hành án của Bộ Quốc phòng còn có Tòa án quân sự xét xử vụ án, hoặc ra quyết định hoặc nhận được bản án, quyết định.

- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 chưa cập nhật được những nội dung mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về ghi nhận, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013 và những quy định mới có liên quan của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Thi hành án hình sự năm 2010, như:

- + Trong Luật Lý lịch tư pháp quy định đối tượng quản lý lý lịch tư pháp chỉ là cá nhân nhưng bên cạnh việc quy định trách nhiệm hình sự của cá nhân, lần đầu tiên Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Do vậy, đối tượng quản lý lý lịch tư pháp không còn phù hợp.

- + Quy định của Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 chưa bảo đảm thực hiện hiệu quả chế định về đương nhiên xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- + Một số cơ quan cung cấp thông tin lý lịch tư pháp chưa được đề cập trong Luật Lý lịch tư pháp nhưng Luật Thi hành án hình sự lại quy định nhiệm vụ cho các cơ quan này như Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh (theo quy định của Luật Thi hành án hình sự thì Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục tái thẩm hoặc giám đốc thẩm có trách nhiệm cung cấp quyết định đó cho Sở Tư pháp).

- Quy định về quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của cá nhân hiện nay đang bị lạm dụng, đã ảnh hưởng tới quyền được pháp luật bảo đảm bí mật đời tư của cá nhân theo quy định của Hiến pháp và chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự của Nhà nước ta, ảnh hưởng đến việc tái hòa nhập cộng đồng của người bị kết án, đặc biệt là những người đã được xóa án tích.

- Quy định của Luật Lý lịch tư pháp liên quan đến xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp còn hạn chế. Việc Luật Lý lịch tư pháp quy định xây dựng Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo hai cấp tại Sở Tư pháp và Bộ Tư pháp đã bộc lộ những bất cập.

- Quy định của Luật Lý lịch tư pháp hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp, phương thức nộp hồ sơ và trả kết quả cấp Phiếu theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp còn chưa thuận tiện, bất cập trong thực tiễn, gây khó khăn cho người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

2.3. Kết quả triển khai thực hiện Quy chế phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản như: Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 10/05/2011 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao trách nhiệm cụ thể cho các sở ngành có liên quan phối hợp triển khai thực hiện Luật lý lịch tư pháp. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị có liên quan đã chủ động ban hành các công văn triển khai, hướng dẫn cho cơ sở trong việc cung cấp thông tin để lập lý lịch tư pháp, kịp thời triển khai các thông tư hướng dẫn có liên quan đến công tác lý lịch tư pháp như: Tư pháp, Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án dân sự... đã tăng cường công tác tổ chức, triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp trong việc phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương. Đến nay, công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức, từng bước được cải cách thủ tục, đơn giản và thuận lợi hơn.

Nhìn chung, công tác phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp giữa các cơ quan Tòa án, Công an, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan đăng ký hộ tịch với Sở Tư pháp được thực hiện tương đối tích cực, nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Tính từ ngày 01/7/2010 đến ngày 30/8/2018, các cơ quan liên quan đã cung cấp cho Sở Tư pháp tổng cộng 55.604 thông tin lý lịch tư pháp.

- Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác lý lịch tư pháp còn một số hạn chế, tồn tại, cụ thể là:

+ Tình trạng các cơ quan tổ chức trong và ngoài nước lạm dụng quy định Luật để yêu cầu công dân xin cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2 vẫn đang diễn ra.

+ Tuy đã xây dựng và ban hành quy chế phối hợp liên ngành về việc trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cấp phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh nhưng hiện nay công tác phối hợp liên ngành chưa thật sự nhịp nhàng, việc cung cấp thông tin ở một số cơ quan vẫn chưa thực hiện thường xuyên, đầy đủ, hầu hết

các cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện (bộ phận thi hành án và hỗ trợ tư pháp) chưa thực hiện cung cấp thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến Giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định...

+ Theo quy định tại Khoản 4 Điều 70 Bộ Luật hình sự năm 2015, thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có tiền án nếu có đủ điều kiện xóa án tích (tức thực hiện xóa án tích cho những người bị kết án nhưng không thuộc các tội quy định tại Chương XIII và XXVI Bộ Luật hình sự). Với quy định trên thì hiện số lượng yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp để thực hiện xóa án tích ngày càng tăng, trong khi để xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích mất rất nhiều thời gian (phải gửi xác minh thông tin đến nhiều cơ quan, nếu các cơ quan không trả lời thì phải xác minh trực tiếp theo như hướng dẫn của Bộ Tư pháp). Trong khi đó theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp thì những trường hợp này thời hạn cấp phiếu chỉ 15 ngày làm việc. Do vậy, Sở Tư pháp đang gặp nhiều khó khăn đó là không đảm bảo thời gian và nhân lực để thực hiện thủ tục hành chính này.

- Nguyên nhân:

Những vướng mắc, bất cập trên xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

+ Công tác lý lịch tư pháp là hoạt động đòi hỏi phải có nghiệp vụ chuyên sâu, phức tạp, đặc biệt là việc thực hiện xóa án tích, trong khi đó hiện nay theo chủ trương chung là tinh giản biên chế nên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện công tác lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp.

+ Vai trò của công tác lý lịch tư pháp trong quản lý nhà nước, trong đời sống xã hội và trong hoạt động tổ tụng hình sự chưa được đánh giá đúng mức ngay tại các cơ quan có trách nhiệm phối hợp theo quy định.

+ Một số quy định trong Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành còn bất cập.

2.4. Những khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp tại địa phương còn gặp một số khó khăn vướng mắc như sau:

2.4.1. Về các quy định của pháp luật:

- Về xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích: Theo quy định tại Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự thì Tòa án có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xóa án tích hoặc Quyết định xóa án tích khi người dân có yêu cầu. Trong khi đó, theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, trách nhiệm xác minh các điều kiện đương nhiên xóa án tích để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp thuộc về trách

nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Trên thực tế việc xác minh này còn gặp khó khăn do phải thực hiện tại nhiều cơ quan. Một số trường hợp người dân không còn lưu giữ được các giấy tờ cần thiết để chứng minh đã hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ dân sự trong bản án, cũng như các cơ quan có liên quan cũng không còn lưu giữ sổ sách, hồ sơ để thực hiện việc xác minh, dẫn đến việc thời hạn xác minh phải kéo dài. Do vậy, cần sửa đổi các quy định liên quan đến pháp luật hình sự và nên quy định trách nhiệm của các cơ quan Tòa án trong việc chủ động cấp Giấy chứng nhận đương nhiên xóa án tích cho người dân khi đã đáp ứng đủ các điều kiện về đương nhiên xóa án tích theo quy định.

- Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2: Theo quy định tại Điều 42 của Luật Lý lịch tư pháp thì nội dung của phiếu lý lịch tư pháp số 1 không thể hiện tất cả các thông tin về tình trạng án tích như phiếu lý lịch tư pháp số 2 (*trong trường hợp có án tích và đã được xóa án tích*), theo quy định tại điểm b Điều 43 của Luật quy định về nội dung của phiếu lý lịch tư pháp số 2 phải được thể hiện đầy đủ các thông tin về án tích đã được xóa, thời điểm được xóa án tích, án tích chưa được xóa, ngày, tháng, năm tuyên án, số bản án... và trường hợp người bị kết án bằng các bản án khác nhau thì thông tin về án tích của người đó được ghi theo thứ tự thời gian. Như vậy, phiếu lý lịch tư pháp số 2 là phiếu đảm bảo bí mật đời tư của một cá nhân, tuy nhiên, đa số công dân khi tới giao dịch tại các cơ quan, tổ chức trong đó đối với các cơ quan, tổ chức nước ngoài, họ đều yêu cầu công dân phải xuất trình phiếu lý lịch tư pháp số 2.

- Nâng cao nhận thức và tầm quan trọng trong vấn đề cung cấp thông tin LLTP để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp: Theo quy định tại Điều 16 Luật Lý lịch tư pháp; Điều 15 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP; Điều 13, Điều 26 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã quy định cụ thể về nhiệm vụ của cơ quan Tòa án trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và phối hợp rà soát thông tin lý lịch tư pháp; đồng thời, đa số các địa phương đã ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và rà soát thông tin lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, trên thực tế tại một số cơ quan Tòa án cũng như một số bộ phận cán bộ thư ký của Tòa được phân công phụ trách việc cung cấp thông tin chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp. Đơn giản người có trách nhiệm nghĩ Sở Tư pháp đề nghị cung cấp thông tin lý lịch tư pháp là không quan trọng, các công văn đề nghị Tòa phối hợp cung cấp, đối chiếu thông tin đa số được xử lý chậm, không đúng thời gian cung cấp theo quy định, cũng có những trường hợp Sở Tư pháp yêu cầu xác minh, đối chiếu lại thông tin nhưng không nhận được văn bản phản hồi từ cơ quan được yêu cầu. Đồng thời, vẫn còn tồn tại cách hiểu về hoạt động “*Xin cho*” chứ không phải là trách nhiệm cung cấp. Do vậy, cần phải có sự chỉ đạo chặt chẽ từ cơ quan cấp trên của các cơ quan có liên quan thì việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp mới được hoàn thiện, đảm bảo đồng bộ và thống nhất.

- Về thời hạn cấp phiếu lý lịch tư pháp: Theo quy định thì thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với những trường hợp xác minh điều kiện đương nhiên

xóa án tích là không quá 15 ngày. Tuy nhiên, đối với những trường hợp này phải xác minh tại rất nhiều cơ quan. Do đó, thời hạn tra cứu theo quy định của Luật không đáp ứng được với yêu cầu của thực tiễn cũng như thời hạn cấp phiếu lý lịch tư pháp và trả kết quả cho công dân không thể thực hiện đúng hạn theo quy định.

- Về thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam mới được quyền yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp quy định người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình. Tuy nhiên, tại Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đều không có quy định về thời gian cư trú tại Việt Nam của người nước ngoài trong thời gian bao lâu thì được quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Việc quy định người nước ngoài phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời gian cư trú tại Việt Nam để xin cấp phép lao động là cần thiết, nhưng việc không quy định thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam là bao lâu thì mới được quyền yêu cầu Phiếu lý lịch tư pháp gây khó khăn cho người lao động nước ngoài. Trên thực tế, việc giải quyết cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam trong thời gian rất ngắn (*có trường hợp chưa được 1 tháng*) thường là không có án tích. Giả sử, trong trường hợp họ có phạm tội thì thời gian của quy trình tố tụng như điều tra, truy tố, xét xử cũng phải mất vài tháng, như vậy, trong thời gian họ cư trú tại Việt Nam với thời gian ngắn như vậy sẽ không đủ thời gian đưa ra kết luận có án tích hay không. Để tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nước ngoài xin cấp giấy phép lao động tại Việt Nam cần nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung điều kiện về thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian bao lâu thì mới cần có Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Nên quy định cụ thể trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam từ 03 hoặc 06 tháng trở lên mới cần có Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Từ thực trạng nêu trên, về lâu dài công tác xây dựng thể chế về lý lịch tư pháp cần tiếp tục phải hoàn thiện, trong đó chú trọng đến việc rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan đến lý lịch tư pháp. Đồng thời, cần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác lý lịch tư pháp, đặc biệt là sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý lý lịch tư pháp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để phù hợp tình hình thực tiễn hiện nay.

2.4.2. Về thể chế bộ máy, tổ chức

Để công tác lý lịch tư pháp được triển khai tốt thì bộ máy, biên chế nhân sự làm công tác lý lịch tư pháp có vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay theo chủ trương chung là tinh giản biên chế, nên biên chế thực hiện công tác này rất ít, chưa đáp ứng yêu cầu. Theo Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp" thì tại các Sở Tư pháp có ít nhất là 03 biên chế làm công tác

xây dựng cơ sở lý lịch tư pháp nhưng hiện tại chỉ có 02 biên chế và còn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực khác. Do đó, công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đang gặp nhiều khó khăn do số lượng thông tin lý lịch tư pháp chưa được xử lý, cập nhật vào cơ sở dữ liệu còn tồn đọng khá lớn. Thực tế này dẫn đến việc tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp có từ ngày 01/7/2010, phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp phần lớn vẫn còn dựa trên cơ sở thông tin của cơ quan Công an và các cơ quan khác cung cấp.

Mô hình cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hai cấp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và tại các Sở Tư pháp đã bắt đầu bộc lộ các bất cập do thông tin lý lịch tư pháp phải thường xuyên trao đổi giữa các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu ở Trung ương và địa phương nên mất nhiều chi phí và thời gian. Mô hình này cũng khó bảo đảm yêu cầu về an toàn, tính chính xác và đồng bộ của dữ liệu thông tin do có quá nhiều đầu mối tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin.

2.4.3. Trong công tác phối hợp

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phụ thuộc rất nhiều vào việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan có thẩm quyền hay nói cách khác là sự phối hợp của các cơ quan trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, trên thực tế công tác phối hợp liên ngành tại địa phương chưa thật sự nhịp nhàng, việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp chưa thật sự được đầy đủ trong mọi thời điểm. Hơn nữa Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chưa có quy định về cơ chế bảo đảm thực hiện đối với các cơ quan có nhiệm vụ cung cấp thông tin.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập nêu trên bao gồm cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Một số các nguyên nhân chính có thể thấy, đó là:

- Nhận thức của một bộ phận công chức, kể cả những người làm công tác tư pháp về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác lý lịch tư pháp còn hạn chế, chưa đầy đủ và đúng mức về vai trò, ý nghĩa của lý lịch tư pháp trong quản lý nhà nước, trong đời sống xã hội và trong hoạt động tổ tụng hình sự.

- Cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp còn thiếu về số lượng và tính chuyên nghiệp.

- Một số nguyên nhân xuất phát từ vấn đề về thể chế.

- Một số nội dung cải cách tư pháp liên quan đến hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, cải cách mô hình tổ chức hệ thống tòa án đang trong quá trình hoàn thiện, đã ảnh hưởng đến tổ chức cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, ảnh hưởng đến công tác xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Phần IV

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phương hướng

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đặc biệt là theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm liên ngành có nhiều khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của người dân, doanh nghiệp.

- Chủ động tiếp nhận thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về những vụ việc cụ thể trong quá trình thực hiện pháp luật ở các lĩnh vực liên quan đến đời sống xã hội để từ đó kịp thời đề xuất giải pháp giải quyết.

- Chỉ đạo tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Giải pháp

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh bố trí công chức làm công tác pháp chế.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật làm cơ sở cho việc bảo đảm thi hành pháp luật ở địa phương.

- Chỉ đạo nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa Sở Tư pháp (Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật) với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

- Chủ động xây dựng, triển khai Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên cơ sở bám sát Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Tư pháp và tình hình thực tế địa phương.

- Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức thông qua việc tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu, hội thảo, tọa đàm do Bộ Tư pháp, và các Bộ ngành khác tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng công tác, trao dồi kinh nghiệm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ công chức làm nhiệm vụ và nhân dân (đặc biệt là nhân dân khu vực biên giới, các khu trung tâm thương mại lớn) bằng nhiều hình thức:

+ Chỉ đạo các ngành thường xuyên phối hợp với cơ quan báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của mọi tổ chức và công dân.

- Tạo điều kiện cho việc bảo đảm thi hành pháp luật từ việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản pháp luật đến bố trí kinh phí, cơ sở vật chất, vật tư trang thiết bị phục vụ công tác theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của trang thông tin theo dõi tình hình thi hành pháp luật tỉnh Tây Ninh.

II. KIẾN NGHỊ

Qua công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, tham mưu Chính phủ một số nội dung sau:

1. Luật Lý lịch tư pháp

Xem xét sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp nhằm bảo đảm quyền con người, thống nhất, đồng bộ với quy định có liên quan của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành, cụ thể:

- Thay đổi quy định về đối tượng cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2: Theo quy định hiện nay của Luật Lý lịch tư pháp, phiếu lý lịch tư pháp số 2 thể hiện cả những án tích đã được xóa của người từng bị kết án (khoản 2 Điều 43). Tình trạng này đã ảnh hưởng tới chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự của Nhà nước ta, ảnh hưởng đến việc tái hòa nhập cộng đồng của người bị kết án. Vì vậy, cần bỏ quy định về phiếu lý lịch tư pháp số 2 mà chỉ thống nhất sử dụng một loại phiếu lý lịch tư pháp có nội dung như phiếu lý lịch tư pháp số 1 hiện nay. Mặt khác, bổ sung quy định cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cần thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân thì có quyền yêu cầu Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp cung cấp thông tin của người đó nếu pháp luật liên quan có quy định để các cơ quan, tổ chức này thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Thu hẹp đối tượng bị coi là có án tích: Khoản 2 Điều 69 và Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định rõ 05 trường hợp người bị kết án không bị coi là có án tích. Đó là: (1) Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi bị kết án không kể về tội gì; (2) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý; (3) Người dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; (4) Người đã thành niên bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng; (5) Người được miễn hình phạt. Như vậy, đối tượng quản lý lý lịch tư pháp cũng như các quy định về phạm vi lập hồ sơ lý lịch tư pháp; các loại giấy tờ mà các cơ quan phải gửi cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cũng đã được thu hẹp lại rất nhiều, do những thay đổi trong đối tượng bị mang án tích được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015. Qua đó, cần phải có sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp về những vấn đề này.

- Bổ sung đối tượng quản lý lý lịch tư pháp là pháp nhân thương mại phạm tội: Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội (khoản 2 Điều 2), đồng thời Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định về trình tự tố tụng và vấn đề xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội, do đó, Luật Lý lịch tư pháp quy định về phạm vi, đối tượng

quản lý lý lịch tư pháp (chỉ giới hạn lý lịch tư pháp của cá nhân) không còn phù hợp.

- Điều chỉnh các quy định liên quan đến việc xác minh điều kiện xóa án tích để phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự: Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bỏ quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận đương nhiên được xóa án tích cho người bị kết án và đã giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong việc theo dõi vấn đề xóa án tích đương nhiên cho người bị kết án. Đồng thời, khoản 1 Điều 369 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về thủ tục xóa án tích: “Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp phiếu lý lịch tư pháp là họ không có án tích”. Như vậy, vấn đề xóa án tích đã được thay đổi khá nhiều trong Bộ luật Hình sự năm 2015, đặc biệt xác minh về “hành vi phạm tội mới” của người có lý lịch tư pháp. Với yêu cầu đặt ra để thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thi hành quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về xóa án tích và trách nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong cập nhật, xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích, cần thiết mở rộng phạm vi quản lý lý lịch tư pháp theo hướng bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin của Viện kiểm sát nhân dân về quá trình khởi tố, điều tra, truy tố bị can. Đề xuất quy định trong trường hợp xét thấy người bị kết án đủ điều kiện đương nhiên xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đề nghị cơ quan quản lý về vấn đề này (có thể thuộc cơ quan Viện kiểm sát nhân dân) cung cấp thông tin về việc người đó có bị khởi tố bị can hay không hoặc các quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hình sự (nếu có).

- Bổ sung quy định về thời hạn sử dụng của phiếu lý lịch tư pháp: để bảo đảm phiếu lý lịch tư pháp được sử dụng một cách hiệu quả, tránh trường hợp bỏ lọt tội phạm hoặc tùy tiện quy định thời hạn sử dụng phiếu lý lịch tư pháp gây khó khăn cho người dân, đề xuất bổ sung quy định về thời hạn sử dụng của phiếu lý lịch tư pháp bảo đảm phù hợp với quy trình tố tụng hình sự (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử một vụ án theo trình tự rút gọn).

2. Xem xét sửa đổi, bổ sung, quy định chi tiết một số nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn một số nội dung về kinh phí, thời gian báo cáo, hoạt động theo dõi, cơ chế xử lý những sai phạm qua hoạt động theo dõi để địa phương dễ dàng thực hiện. Ngoài ra, giao cho địa phương có thẩm quyền ban hành quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Ban hành Nghị định mới quy định về cai nghiện tự nguyện; Nghị định quy định chế độ về điều trị, cai nghiện ma túy cho người chưa thành niên từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nghiện ma túy; Nghị định thay thế Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, tại cộng đồng cho phù hợp với tình hình thực tế để triển khai

thực hiện có hiệu quả như về kinh phí, nhân sự, cách thức thực hiện nên quy định cụ thể hơn. Công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng cần phải có đội ngũ cán bộ chuyên trách.

- Sửa đổi Nghị định 94/2009/NĐ-CP, ngày 26/10/2009 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Bổ sung quy định điều kiện đăng ký hoạt động đối với trình độ dưới 03 tháng tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Sớm ban hành Nghị định quy định về làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm đối với lao động chưa thành niên quy định tại Khoản 3 Điều 163 Bộ Luật lao động năm 2012.

3. Bộ Tư pháp

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2015/TT-BTP theo hướng thống nhất thời gian số liệu lấy báo cáo trùng với thời gian thống kê, tổng kết năm theo quy định của Luật thống kê.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nhất là đối với lĩnh vực trọng tâm liên ngành cho đội ngũ cán bộ làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhất là ở cấp huyện, cấp xã.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ để tổ chức sắp xếp bộ máy thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật thống nhất, đồng bộ, chuyên trách theo dõi tình hình thi hành pháp luật và sớm ban hành văn bản sửa đổi bổ sung những quy định chưa thống nhất của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV.

- Hoàn thiện thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp.

- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý lý lịch tư pháp và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cung cấp, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp bằng dữ liệu điện tử giữa các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an, Thi hành án quân sự, Tòa án quân sự Trung ương... và các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, đặc biệt là kiểm tra liên ngành để nắm bắt tình hình thi hành Luật Lý lịch tư pháp, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, sai phạm để tháo gỡ và chấn chỉnh để nâng cao hiệu quả công tác lý lịch tư pháp.

- Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp chuyên nghiệp theo hướng có chức danh cụ thể.

Trên đây là báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận: *ly*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

NC-THONG

ld



Nguyễn Thanh Ngọc

Mẫu số 1

BẢNG TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG THEO DỐI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

(Kèm theo Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề (lĩnh vực trọng tâm)	Số cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	Số cuộc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật			Ghi chú
				Số thông tin xử lý từ kết quả kiểm tra tình hình THPL	Số thông tin xử lý từ kết quả điều tra, khảo sát tình hình THPL	Số thông tin xử lý từ kết quả thu thập thông tin về tình hình THPL	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động thương binh và xã hội	3	3				
2	Lĩnh vực thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật						Các đơn vị tự tiến hành TDTHPL và gửi kết quả về UBND tỉnh
	Công thương	14	10				BQL KKT phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện
	Môi trường	3					
	Xây dựng	9					
	Tài chính, ngân sách	4					

[illegible]

Mẫu số 2
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DỜI TÍNH KẾP THỜI, ĐẦY ĐỦ CỦA VIỆC BAN HÀNH
VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT (*)

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Văn bản được quy định chi tiết					Văn bản quy định chi tiết							Ghi chú
	Tên, số, ký hiệu văn bản	Ngày có hiệu lực	Tổng số nội dung giao quy định chi tiết	Tổng số nội dung đã quy định chi tiết	Tên văn bản quy định chi tiết	Thời gian ban hành (theo kế hoạch)	Tình trạng hiện nay						
							Đã ban hành (Ngày có hiệu lực)	Chưa ban hành					
								Đang soạn thảo	Thẩm định	Thẩm tra	Đã trình		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1					Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND		05-10-2017						
2	Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	03-03-2017			Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND		10-10-2017						
3	Thông tư số 233/2016/TT-BTC	01-01-2017			Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND		13-10-2017						
4					Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND		03-11-2017						
5					Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND		28-11-2017						
6					Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND		28-11-2017						
7					Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND		30-11-2017						
8					Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND		04-12-2017						
9					Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND		07-12-2017					Được SDBS QĐ 29/2018/QĐ-UBND	
10					Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND		14-12-2017						
11					Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND		15-12-2017						

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
12					Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND		20-12-2017					
13					Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND		20-12-2017					
14					Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND		21-12-2017					
15					Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND		21-12-2017					
	Nghị định số 105/2012/NĐ-CP	02-01-2013			Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND		31-12-2017					Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 thay thế Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 17/3/2015
16	Thông tư số 327/2016/TT-BTC	01-03-2017		Đ 1, 3	Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND		08-01-2018					
17	Thông tư số 09/2015/TT-BXD	16-02-2016			Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND		07-03-2018					
18					Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND		09-03-2018					
19	Thông tư số 280/2016/TT-BTC	01-01-2017			Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND	6/2018	13-03-2018					
20	Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg	01-05-2016			Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND		21-03-2018					
21	Thông tư số 338/2016/TT-BTC	15-02-2017	Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Thông tư		Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND		28-03-2018					
22	Thông tư số 34/2017/TT-BCT				Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND		16-04-2018					
23					Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND		16-04-2018					
24	Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg				Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND		18-04-2018					

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
25					Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND		18-04-2018					
26					Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND		19-04-2018					
27					Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND		07-05-2018					
28	Thông tư số 233/2016/TT-BTC	01-01-2017	K1 Đ22 K2 Đ19		Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND		09-05-2018					
29					Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND		09-05-2018					
30					Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND		10-05-2018					
31			Điểm c K 9 Đ1		Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND		16-05-2018					
32	Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT				Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND	2/2018	29-05-2018					
33	Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ				Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND	2/2018	08-06-2018					
34					Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND		20-06-2018					
35					Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND		20-06-2018					
36	Thông tư số 40/2017/TT-BTC	01-07-2017			Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND	2/2018	20-06-2018					
37	Thông tư số 08/2017/TT-BXD	01-07-2017			Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND		21-06-2018					
38					Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND		25-06-2018					
39					Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND		02-07-2018					
40	Nghị định số 31/2017/NĐ-CP	10-05-2017	15	5	Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND	2/2018	13-08-2018					
41			7 (Đ4)		Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND		22-08-2018					

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
42	Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg	01-01-2018	2 (K1 Đ8, K2 Đ8)		Quyết định số 30/2018/QĐ- UBND		22-08-2018					
43					Quyết định số 31/2018/QĐ- UBND		24-08-2018					
44			17 (K1 Đ3, K1 Đ4, K3 Đ17, K1 Đ20, K2 Đ22, K2 Đ28, K2 Đ32, K2 Đ34, K2 Đ37, K1 Đ38, K2 Đ48, K2 Đ49, K2 Đ50, K2 Đ51, K1 Đ52, K2 Đ53, K2 Đ92)		Quyết định số 32/2018/QĐ- UBND		29-08-2018					
45	Thông tư số 14/2017/TT-BXD	15-02-2017			Quyết định số 34/2018/QĐ- UBND		17-09-2018					
46	Thông tư số 08/2017/TT-BNV	15-12-2017			Quyết định số 35/2018/QĐ- UBND		17-09-2018					

(Không thống kê 10 văn bản hủy bỏ, bãi bỏ vẫn bản hết hiệu lực)